

QUY CHẾ
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

(Đính kèm Quyết định số 303 /QĐ-CDSP ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu về nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc, yêu cầu; đăng ký xét tuyển; quy định về tổ chức kỳ thi bổ trợ phục vụ tuyển sinh; xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên.

2. Quy chế này áp dụng đối với công tác tuyển sinh hệ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình (sau đây gọi tắt là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là chương trình, ngành (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung; là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.

3. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

4. Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh.

5. Mã xét tuyển là một mã quy ước định danh của chương trình. Mã xét tuyển do cơ sở đào tạo tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ.

6. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hằng năm.

7. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.

8. Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; Trường tổ chức kỳ thi, quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.

9. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

10. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

11. Phương thức tuyển sinh là việc Trường sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi bổ trợ để xét tuyển.

12. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo (sau đây gọi là độ lệch điểm).

13. Tiêu chí đánh giá là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

14. Tiêu chí xét tuyển là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét tuyển) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

15. Trọng số tính điểm xét của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

16. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi kỳ thi bổ trợ, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.

17. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

18. Điểm ưu tiên là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

19. Điểm cộng do cơ sở đào tạo xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo bao gồm:

a) Điểm thưởng dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;

b) Điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;

20. Xét tuyển thẳng là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

21. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

22. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

23. Điểm trúng tuyển của chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: thí sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán, kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về cơ hội trúng tuyển: thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên vào chương trình đào tạo đã đăng ký mà đủ điều kiện trúng tuyển;

d) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện đầy đủ các cam kết đã thông báo đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: các cơ sở đào tạo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh, bảo đảm quyền lợi tối đa cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: các cơ sở đào tạo cạnh tranh lành mạnh, công bằng trong tuyển sinh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với các bên liên quan qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào cơ sở đào tạo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

3. Phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức: Đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, trừ các đối tượng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định gồm:

- Đơn xin đăng ký dự thi môn năng khiếu;

- Phiếu đăng ký xét tuyển;

- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời) đối với thí sinh tốt nghiệp năm đăng ký dự tuyển (bản chính);

- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi THPT năm 2026 (bản chính) đối với những thí sinh sử dụng kết quả thi THPT để xét tuyển;

- Học bạ THPT (bản sao);

- Giấy Khai sinh (bản sao);

- Căn cước công dân (bản sao);

- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao) (nếu có);

- 02 ảnh 3x4;
- Lệ phí xét tuyển.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

Trường sử dụng 02 phương thức tuyển sinh (không bao gồm xét tuyển thẳng):

1. Phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn đảm bảo tối thiểu 1/3 trọng số tính điểm.

b) Các tổ hợp môn dùng để xét tuyển gồm:

- M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu;
- M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu;
- M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu;
- M10: Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu.

2. Phương thức tuyển sinh dựa trên điểm trung bình chung kết quả học tập 06 kỳ cấp THPT (kỳ I+ kỳ II, lớp 10, lớp 11, lớp 12) và kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn đảm bảo tối thiểu 1/3 trọng số tính điểm.

b) Các tổ hợp môn dùng để xét tuyển gồm:

- M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu;
- M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu;
- M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu;
- M10: Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu.

c) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

3) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

4) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

5) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 của Quy chế này).

6) Trường tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm ngoại ngữ (nếu có); độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài đạt giải, cụ thể: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

5. Cơ sở đào tạo quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

6. Trường quy định cụ thể và công bố trong thông tin tuyển sinh: kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên

1. Đối với phương thức tuyển sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu do Bộ GDĐT công bố hằng năm.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên áp dụng khoản 1 Điều này hoặc kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên).

3. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi: Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đạt loại khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đạt loại trung bình và có ít nhất 01 năm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

4. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường công bố ngưỡng đầu vào cho chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả không quá 36 tháng đối với người quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu 36 tháng, Trường sẽ xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp đủ thông tin để thí sinh lựa chọn trường, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát được việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

a) Giới thiệu về Trường, chương trình đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội

ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (theo Phụ lục III của Quy chế 06/2026/TT-BGDĐT);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với chương trình đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại thông tin tuyển sinh (phụ lục IV) phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh chung hàng năm của Bộ GDĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương II

TỔ CHỨC KỲ THI BỔ TRỢ (THI NĂNG KHIẾU)

Điều 12. Điều kiện tổ chức thi

1. Hội đồng tuyển sinh thi phải bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức kỳ thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả; cụ thể như sau:

a) Phải có bộ phận chuyên trách đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi;

b) Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ chức thi phải đủ số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn phù hợp để bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong từng quy trình của công tác thi;

c) Các quy trình và phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia phải đầy đủ, rõ ràng và hiệu quả, bảo đảm tính độc lập, khách quan giữa các khâu và các bộ phận; có biện pháp hiệu quả chống gian lận và lạm dụng;

d) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm phải phù hợp với quy mô và hình thức tổ chức thi, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi, bao gồm cả yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh, chống gian lận trong kỳ thi;

đ) Trường hợp tổ chức thi trực tuyến phải thực hiện đầy đủ biện pháp để bảo đảm kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với hình thức thi trực tiếp, đồng thời toàn bộ diễn biến của buổi thi được ghi hình, ghi âm và lưu trữ.

2. Trường phải xây dựng Quy chế kỳ thi bổ trợ và đề án tổ chức kỳ thi bổ trợ, công bố trên trang thông tin điện tử ít nhất 10 ngày trước khi tổ chức kỳ thi.

3. Trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi công tác trước, trong và sau kỳ thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và việc triển khai đề án tổ chức thi.

Điều 13. Đề thi

1. Đề thi phải dựa trên yêu cầu về năng khiếu hoặc phẩm chất đặc biệt của ngành đào tạo sư phạm Giáo dục mầm non. Tiêu chí đánh giá phải dựa trên các cấp độ năng lực tư duy; phân loại được năng lực thí sinh, đáp ứng mức độ phù hợp của thí sinh đối với ngành đào tạo.

2. Đề thi được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi hoặc được xây dựng mới theo quy trình bảo mật tuyệt đối. Trong trường hợp tổ chức nhiều đợt thi, hoặc một đợt thi có nhiều đề thi thì các đề thi phải bảo đảm tính tương đương, phải được diễn đạt rõ ràng, không đa nghĩa.

3. Ngân hàng đề thi nội dung Đọc hiểu cảm phải được Ban xây dựng ngân hàng đề thi chịu trách nhiệm xây dựng và được Ban thẩm định ngân hàng đề thi chịu trách nhiệm thẩm định trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành.

Điều 14. Quy chế thi

1. Quy chế kỳ thi bổ trợ phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua và được Hiệu trưởng ký ban hành, làm căn cứ để tổ chức thực hiện các công tác trước, trong và sau kỳ thi, tuân thủ những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này.

2. Nội dung của quy chế thi phải bao gồm những quy định về:

- a) Phạm vi tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự thi;
- b) Nội dung và hình thức thi;
- c) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia (chuẩn bị cho kỳ thi, tổ chức đăng ký dự thi, làm đề thi, coi thi, chấm thi...);
- d) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;
- đ) Chế độ công khai, báo cáo và lưu trữ;
- e) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

3. Quy chế thi phải được tập huấn cho tất cả những người tham gia công tác thi và phổ biến đầy đủ cho thí sinh dự thi.

Điều 15. Đề án tổ chức kỳ thi

1. Đề án tổ chức kỳ thi bổ trợ do Hiệu trưởng Trường ban hành, thể hiện trách nhiệm giải trình và những cam kết của cơ sở đào tạo đối với cơ quan quản lý nhà nước, thí sinh và toàn xã hội về mục đích và các điều kiện bảo đảm chất lượng của kỳ thi; đáp ứng những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này.

2. Đề án tổ chức kỳ thi bổ trợ bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, tính chất của kỳ thi;

b) Kế hoạch tổ chức thi và danh sách các cơ sở đào tạo hợp tác hoặc đã công bố sử dụng kết quả thi (nếu có);

c) Thông tin và minh chứng cho việc đáp ứng đầy đủ năng lực tổ chức thi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này;

d) Nội dung quy chế thi (dưới dạng phụ lục hoặc đường dẫn tới tài liệu trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo);

đ) Hướng dẫn cụ thể cho thí sinh thực hiện các quy trình đăng ký dự thi và tham gia thi, trong đó có quy định mức thu dịch vụ tổ chức thi.

3. Đề án tổ chức kỳ thi bổ trợ có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai, nhưng không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm đi cơ hội tiếp cận kỳ thi thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Chương III

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 16. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo quy định của Quy chế;

c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học tại Trường.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ Thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển

khác theo kế hoạch chung; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

Điều 18. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

3. Thí sinh đăng ký nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất. Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

5. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí kỳ thi bổ trợ) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do Trường quy định.

Điều 19. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

đ) Trường quy định các tiêu chí phụ khác làm điều kiện cần để xét tuyển và không sử dụng làm tiêu chí phân loại thí sinh ở điểm c, khoản này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

Điều 20. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên trang thông tin điện tử của Trường; giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

2. Trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học và có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

3. Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại Trường trong thời hạn quy định.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ

chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng nhà trường cho phép.

Điều 21. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

4. Trường có thể công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh công bố trong tuyển sinh đợt 1; việc xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

Điều 22. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập của các cơ sở đào tạo hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;

đ) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của Trường.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống;

- b) Quy định về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;
- c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh;
- d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;
- đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật;
- g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo Bộ GDĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;
- h) Trừ trường hợp thay đổi chính sách tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT, Trường công bố công khai việc điều chỉnh phương thức tuyển sinh tối thiểu trước 12 tháng và khuyến khích công bố điều chỉnh phương thức tuyển sinh trước 36 tháng kể từ năm tuyển sinh 2027.

Chương IV

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

Điều 23. Xây dựng kế hoạch, đăng ký xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm và từng đợt (bao gồm đợt bổ sung).
2. Căn cứ Thông tin tuyển sinh đã công bố, trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại trường.

Điều 24. Xét tuyển

1. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ, thi năng khiếu dùng để xét tuyển, Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:
 - a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;
 - b) Tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển;
 - c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
2. Trên cơ sở kết quả xét tuyển cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển.

3. Trường công bố điểm trúng tuyển và (các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) theo phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

1. Trường có trách nhiệm xây dựng quy chế tuyển sinh riêng và công khai trên trang thông tin điện tử.

2. Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GD&ĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của trường.

3. Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về chương trình đào tạo tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT.

5. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Đối với kỳ thi bổ trợ phục vụ xét tuyển, phải bảo quản danh sách phòng thi, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của các cơ sở đào tạo tư thục không phải là công chức, viên

chức, hiệu trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Cơ sở đào tạo vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, Chủ tịch hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan của cơ sở đào tạo vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các đơn vị trực thuộc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Hằng năm, Quy chế được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Tuyển sinh và Học sinh sinh viên để tổng hợp, báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC 1: KHU VỰC ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-CDSP ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 2: ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-CDSP ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình)

Đối tượng	Mô tả khu vực và điều kiện
Nhóm 1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm 2	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên;